ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:10 /2020/QĐ-UBND	*Vĩnh Long, ngày 05 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 71/TTr-STP ngày 05 tháng 02 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16/3/2020 và bãi bỏ Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Bộ Tư pháp; - Cục KTVB QPPL - BTP; - Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp; - Thường trực TU, HĐND tỉnh; - CT, PCT UBND tỉnh; - Lãnh đạo VPUBND tỉnh; - Website tỉnh, Công báo tỉnh; - Lưu: VT, 2.10.05.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Lữ Quang Ngời**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2020/QĐ-UBND, ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về tiêu chí và tổ chức xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Quy định này áp dụng đối với các công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Nguyên tắc xét duyệt hồ sơ

1. Việc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định của pháp luật và quy định này.

2. Không xem xét hồ sơ vi phạm Luật Công chứng.

Điều 3. Trách nhiệm của công chứng viên đề nghị thành lập Văn phòng công chứng

1. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng; nộp kèm các tài liệu chứng minh về những nội dung trình bày trong Đề án thành lập Văn phòng công chứng để làm cơ sở cho việc xét duyệt theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện đúng các nội dung đã nêu tại Đề án thành lập Văn phòng công chứng khi hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng được xét duyệt.

Điều 4. Những trường hợp không tính điểm

1. Công chứng viên đang hành nghề tại các tổ chức hành nghề công chứng khác.

2. Công chứng viên chấm dứt tư cách hợp danh của Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh chưa đủ 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ, trừ trường hợp Văn phòng công chứng đó có từ 03 công chứng viên hợp danh trở lên.

3. Thư ký nghiệp vụ, nhân viên phụ trách kế toán, văn thư, lưu trữ đang làm việc tại các tổ chức hành nghề bổ trợ tư pháp khác hoặc đang là công chức, viên chức nhà nước.

Chương II
TIÊU CHÍ VÀ SỐ ĐIỂM CỦA CÁC TIÊU CHÍ

Điều 5. Tiêu chí chấm điểm

1. Tổ chức nhân sự của Văn phòng công chứng.

2. Trụ sở Văn phòng công chứng.

3. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành nghề công chứng.

4. Điều kiện về an ninh trật tự, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ.

Điều 6. Tiêu chí về nhân sự của Văn phòng công chứng *(tối đa 44 điểm)*

1. Tiêu chí về Công chứng viên *(tối đa 30 điểm)*

a) Có 02 Công chứng viên hợp danh: 20 điểm;

b) Từ công chứng viên thứ ba trở lên, một công chứng viên được cộng thêm 02 điểm (điểm cộng thêm tối đa không quá 06 điểm);

c) Công chứng viên dự kiến là Trưởng Văn phòng đã có thời gian hành nghề công chứng từ 05 năm liên tục trở lên được cộng thêm 02 điểm;

d) Công chứng viên dự kiến là Trưởng Văn phòng có chứng chỉ quản trị doanh nghiệp hoặc quản lý văn phòng được cộng thêm 02 điểm.

2. Tiêu chí đối với nhân viên nghiệp vụ *(tối đa 08 điểm)*

a) Có nhân viên nghiệp vụ có bằng Đại học Luật: 04 điểm, từ nhân viên nghiệp vụ thứ 2 trở lên, một nhân viên nghiệp vụ được cộng thêm 01 điểm, điểm cộng thêm không quá 02 điểm;

b) Một nhân viên nghiệp vụ có Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng, cộng thêm 01 điểm, điểm cộng thêm không quá 02 điểm.

3. Tiêu chí đối với nhân viên Kế toán *(tối đa 03 điểm)*

a) Có bằng Trung cấp chuyên ngành Kế toán: 02 điểm;

b) Có bằng Đại học hoặc Cao đẳng chuyên ngành Kế toán: 03 điểm.

4. Tiêu chí đối với nhân viên văn thư, lưu trữ *(tối đa 03 điểm)*

a) Văn phòng công chứng có nhân viên làm công tác văn thư, lưu trữ: 02 điểm;

b) Văn phòng công chứng có nhân viên làm công tác văn thư, lưu trữ có bằng Trung cấp chuyên ngành văn thư, lưu trữ trở lên: 03 điểm.

Điều 7. Tiêu chí về trụ sở Văn phòng công chứng *(tối đa 40 điểm)*

1. Vị trí đặt Văn phòng công chứng *(20 điểm)*

a) Đặt tại đơn vị hành chính cấp huyện có từ 03 tổ chức hành nghề công chứng trở lên: 01 điểm;

b) Đặt tại đơn vị hành chính cấp huyện có từ 01 đến 02 tổ chức hành nghề công chứng: 10 điểm;

c) Đặt tại đơn vị hành chính cấp huyện chưa có tổ chức hành nghề công chứng: 20 điểm.

2. Tổng diện tích sử dụng làm việc của Văn phòng công chứng (không bao gồm khu vực khách hàng để xe): *(15 điểm)*

a) Từ 60 m^2 đến 100 m^2: 10 điểm;

b) Trên 100 m^2: 15 điểm.

3. Tính pháp lý của trụ sở Văn phòng công chứng *(05 điểm)*

a) Trụ sở Văn phòng công chứng thuê, mượn có thời hạn từ 05 năm trở lên: 03 điểm;

b) Trụ sở Văn phòng công chứng thuộc sở hữu của công chứng viên là thành viên hợp danh: 05 điểm.

Điều 8. Tiêu chí về cơ sở vật chất phục vụ hoạt động nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Văn phòng công chứng *(tối đa 08 điểm)*

1. Trang thiết bị phục vụ hoạt động công chứng *(tối đa 05 điểm)*

Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, như: Máy tính, tủ đựng hồ sơ, bàn làm việc cho từng cá nhân; máy photocopy, két sắt, máy in của Văn phòng công chứng: 05 điểm.

2. Việc ứng dụng công nghệ thông tin *(tối đa 02 điểm)*

Có phương án lắp đặt phương tiện kết nối internet; đăng ký địa chỉ e-mail của Văn phòng công chứng; đăng ký website của Văn phòng công chứng: 02 điểm.

3. Về phần mềm phục vụ hoạt động nghiệp vụ *(tối đa 01 điểm)*

Có phương án đầu tư phần mềm phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ của Văn phòng công chứng: 01 điểm.

Điều 9. Tiêu chí về an ninh trật tự, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ *(tối đa 08 điểm)*

1. Diện tích dành cho khách để xe *(tối đa 04 điểm)*

a) Từ 10 đến dưới 30 mét vuông: 03 điểm;

b) Từ 30 mét vuông trở lên: 04 điểm.

2. Địa điểm để xe thuận lợi, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông: 02 điểm.

3. Có trang thiết bị phòng chống cháy nổ: 02 điểm.

Chương III
XÉT DUYỆT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG

Điều 10. Tổ chức xét duyệt hồ sơ

1. Giám đốc Sở Tư pháp quyết định thành lập Tổ Xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng có từ 5 - 7 thành viên.

Tổ Xét duyệt hồ sơ, gồm: Đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp làm Tổ trưởng; đại diện Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; đại diện Phòng chuyên môn quản lý nhà nước về bổ trợ tư pháp; đại diện Ban chấp hành Hội Công chứng viên tỉnh và một số thành viên khác có liên quan (do Giám đốc Sở Tư pháp quyết định).

2. Các thành viên của Tổ Xét duyệt hồ sơ làm việc tập thể, quyết định theo đa số, căn cứ vào tiêu chí và thang điểm nêu tại Chương II của Quy định này để xét duyệt và chấm điểm từng hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

Điều 11. Cách tính điểm và xét duyệt hồ sơ

1. Việc chấm điểm xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng phải có mặt đầy đủ các thành viên của tổ xét duyệt.

2. Việc chấm điểm hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng phải được lập thành biên bản và có chữ ký của các thành viên Tổ Xét duyệt hồ sơ.

3. Hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng phải đạt từ 65 điểm trở lên. Trong đó mỗi nhóm tiêu chí không dưới 50% số điểm.

4. Căn cứ vào kết quả xét duyệt và số điểm của từng hồ sơ, Giám đốc Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho phép thành lập Văn phòng công chứng theo quy định của pháp luật.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Khiếu nại, tố cáo

1. Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, có quyền khiếu nại, tố cáo việc từ chối cho phép thành lập Văn phòng công chứng, khi có căn cứ cho rằng việc từ chối đó trái với quy định pháp luật và Quy định này.

2. Cá nhân, tổ chức phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật và Quy định này trong việc xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng, có quyền tố cáo theo quy định của pháp luật về tố cáo.

3. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo tuân thủ theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm tra việc thực hiện Đề án thành lập Văn phòng công chứng khi cấp giấy đăng ký hoạt động, nếu không đảm bảo nội dung các tiêu chí nêu tại Đề án thì từ chối giải quyết.

2. Trường hợp tổ chức hành nghề công chứng thay đổi nội dung đăng ký hoạt động về trụ sở khác đơn vị hành chính cấp huyện, phải đảm bảo tiêu chí về trụ sở Văn phòng công chứng quy định tại Điều 7 và khoản 3 Điều 11 quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời thông tin về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Lữ Quang Ngời